

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới
thuộc xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 2 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 111/TTr-VPĐP ngày 10 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới thuộc xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

1. Thôn bao gồm: Thôn, bon, buôn, bản.
2. Phạm vi áp dụng: Các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.

Điều 2.

1. Giao các Sở, Ban, ngành, đoàn thể căn cứ chức năng quản lý Nhà nước hướng dẫn thực hiện đối với các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới thuộc xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Giao Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh tổng hợp, hướng dẫn của các Sở, Ban, ngành liên quan xây dựng và ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới thuộc xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện trên địa bàn các huyện, xã.

Trong quá trình triển khai, thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí nêu trên, nếu có vấn đề phát sinh, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện kịp thời nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện, tham mưu UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung Bộ tiêu chí bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn.

3. Yêu cầu UBND các huyện

a) Căn cứ Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới thuộc xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông chỉ đạo các xã rà soát, đánh giá, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hiệu quả.

b) Ban hành quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố thôn đạt chuẩn nông thôn mới.

c) Giao Chủ tịch UBND các huyện hàng năm tổ chức đánh giá và công nhận thôn, bon, buôn, bản đạt chuẩn Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể; Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện; Chủ tịch UBND các xã đặc biệt khó khăn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban chỉ đạo TW các CT MTQG;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT(L).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trọng Yên

BỘ TIÊU CHÍ THÔN NÔNG THÔN MỚI
THUỘC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

Ban hành kèm theo Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2022
của UBND tỉnh Đắk Nông

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan phụ trách hướng dẫn, đánh giá
1	Giao thông	1.1. Tỷ lệ km đường trục thôn, bon, buôn, bản được nhựa hóa, bê tông hóa	≥ 85%	Sở Giao thông vận tải
		1.2. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm được cứng hóa	≥ 75%	
		1.3. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, trong đó 70% km đường được cứng hóa	Đạt	
		1.4. Tỷ lệ km đường trục thôn, bon, buôn, bản, đường ngõ xóm, đường trục chính nội đồng có mương thoát nước	≥ 50%	
2	Điện	2.1. Hệ thống điện đạt chuẩn theo quy định	Đạt	Sở Công Thương
		2.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện	≥ 95%	
		2.3. Tỷ lệ km đường trục thôn, ngõ xóm nơi đông dân cư có hệ thống điện chiếu sáng	≥ 75%	
3	Nhà ở và công trình phụ trợ	3.1. Không có nhà tạm, nhà dột nát	Đạt	Sở Xây dựng
		3.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥ 95%	
		3.3. Tỷ lệ nhà ở có khuôn viên cây xanh, công ngõ, tường rào phù hợp phong tục tập quán, văn hóa của từng dân tộc	≥ 60%	
4	Văn hóa	4.1. Có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		4.2. Thôn có công chào phù hợp với văn hóa và điều kiện thực tế của địa phương	Đạt	
		4.3. Thôn đạt thôn văn hóa tại năm đề nghị xét công nhận đạt chuẩn	Đạt	
		4.4. Tỷ lệ hộ đạt gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa”	≥ 90%	
		4.5. Có Ban phát triển thôn hoạt động hiệu quả	Đạt	Văn phòng Điều phối nông thôn mới

/

		4.6. Có hương ước, quy ước thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được các hộ cam kết thực hiện	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trẻ 05 tuổi hoàn thành chương trình mầm non	$\geq 95\%$	Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.2. Tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	$\geq 95\%$	
		5.3. Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở	$\geq 95\%$	
		5.4. Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2	$\geq 95\%$	
6	Y tế	6.1. Có nhân viên y tế thôn bản được đào tạo bồi dưỡng theo quy định của Bộ Y tế và thường xuyên hoạt động	Đạt	Sở Y tế
		6.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 30\%$	
		6.3. Tỷ lệ người dân trong thôn tham gia bảo hiểm y tế (có thể bảo hiểm y tế còn hiệu lực)	99%	Bảo hiểm xã hội tỉnh
7	Kinh tế hộ	7.1. Thu nhập bình quân đầu người của thôn (triệu đồng/người/năm) gấp 1,2 lần so với thu nhập bình quân đầu người toàn xã của năm xét công nhận	Đạt	Cục Thống kê tỉnh
		7.2. Tỷ lệ hộ nghèo	$\leq 20\%$	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
		7.3. Có mô hình giúp nhau làm kinh tế giỏi, thoát nghèo trở thành khá giả	Đạt	Hội Nông dân tỉnh
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Tỷ lệ km đường trục thôn, ngõ, xóm có tổ chức trồng hoa/cây cảnh/cây xanh hai bên đường	$\geq 75\%$	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		8.2. Tỷ lệ Chất thải rắn, nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý theo quy định	$\geq 70\%$	Sở Tài Nguyên và Môi trường
		8.3. Không có tình trạng vứt rác bừa bãi nơi công cộng	Đạt	
		8.4. Định kỳ hàng tháng tổ chức tổng vệ sinh chung toàn thôn	Đạt	
		8.5. Không có công trình chăn nuôi trong khu vực cấm chăn nuôi; tỷ lệ chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt từ 95% trở lên	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

9	Hệ thống chính trị và An ninh trật tự	9.1. Chi bộ thôn được đánh giá xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên	Đạt	Sở Nội vụ
		9.2. Các tổ chức chính trị - xã hội của thôn được đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên	Đạt	
		9.3. Giữ vững an ninh, trật tự, không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội	Đạt	Công an tỉnh
		9.4. Có mô hình tổ chức quần chúng tham gia vào công tác đảm bảo an ninh trật tự và hoạt động thường xuyên có hiệu quả	Đạt	
Tổng cộng	9 tiêu chí	35 Chỉ tiêu		

2